

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ*

*tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1291-CV/VPTU ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về trích thông báo Kết luận cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 26 tháng 02 năm 2026.*

*Theo đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 632/TTr-SoNNMT ngày 30 tháng 12 năm 2025, Báo cáo số 192/BC-SNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Công văn số 4070/SoNNMT-KSTL ngày 17 tháng 3 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, với một số thông tin chủ yếu sau:

1. Số lượng khu vực mở tổ chức đấu giá: 16 khu vực mở. Trong đó:
  - a) Đá xây dựng: 13 mỏ (đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh: 02 mỏ; đã có kết quả thăm dò: 05 mỏ; chưa có kết quả thăm dò: 06 mỏ)
  - b) Cát xây dựng: 01 mỏ.
  - c) Đất san lấp: 02 mỏ.
2. Diện tích khu vực thực hiện đấu giá: 464,55 ha. Trong đó có 112,0 ha đất mặt nước (cát xây dựng).

*(Thông tin chi tiết theo Kế hoạch đính kèm)*

**Điều 2:** Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc xây dựng kế hoạch đấu giá, tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2026 theo đúng quy định pháp luật khoáng sản, đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường nơi có khoáng sản tổ chức đấu giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
  - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
  - Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
  - Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, KTN, KTNS.
- Vinh KTN KH đấu giá KS

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**

**KẾ HOẠCH**

**Đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên  
địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật địa chất và khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ

tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1291-CV/VPTU ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về trích thông báo Kết luận cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 26 tháng 02 năm 2026.

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ.**

### **1. Mục đích**

- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm, đồng thời tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, thu hút đầu tư hiệu quả và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Việc tổ chức đấu giá công khai, minh bạch sẽ thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm tham gia vào lĩnh vực khai thác khoáng sản, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp này.

### **2. Yêu cầu.**

- Tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Đấu giá tài sản số năm 2016 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024; Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản.

- Đảm bảo công khai, minh bạch tạo ra một sân chơi công bằng cho tất cả các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khai thác khoáng sản

## **III. THÔNG TIN ĐẤU GIÁ.**

**1. Thông tin người có tài sản đấu giá:** Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**2. Cơ quan tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản:**

- Ủy quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá và ký kết hợp đồng dịch vụ để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực mỏ được phê duyệt trong Kế hoạch này theo quy định tại Điều 56 Luật đấu giá 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ quy định của pháp luật đối với quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm xét duyệt điều kiện của người tham gia đấu giá và thông báo cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản danh sách người đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá, người không đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá theo quy định hiện hành.

**3. Thông tin về khu vực mỏ thực hiện đấu giá:**

- Số lượng khu vực mỏ tổ chức đấu giá: 16 khu vực mỏ.

- Diện tích khu vực thực hiện đấu giá: 464,55 ha. Trong đó có 112,0 ha đất mặt nước (cát xây dựng).

Thông tin cụ thể như sau:

**3.1. Đá xây dựng: 13 Mỏ.**

a) Các mỏ đã có chủ trương thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 02 Mỏ theo bảng sau.

| TT               | Tên khu vực mỏ           | Vị trí            | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đấu giá quyền KTKS năm 2026 |                                            | Ghi chú                                 |
|------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|
|                  |                          |                   | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)              | Tài nguyên dự kiến (1.000 m <sup>3</sup> ) |                                         |
| 1                | Bazan xây dựng Sơn Giang | Phường Phước Bình | 38-Đxd              | 105            | 21.000                             | 35,2                        | 7.040,0                                    | Công văn số 2198/UBND-KT ngày 30/6/2023 |
| 2                | Đá xây dựng Đồng Tâm 1   | Xã Đồng Tâm       | 106-Đxd             | 130            | 13.000                             | 18,76                       | 2.626,4                                    | Công văn số 2448/UBND-KT ngày 29/5/2025 |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                          |                   |                     | <b>435</b>     | <b>34.000</b>                      | <b>53,96</b>                | <b>9.666,4</b>                             |                                         |

b) Các mỏ đã có kết quả thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 05 Mỏ, cụ thể:

| TT | Tên khu vực mỏ           | Vị trí            | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đấu giá quyền KTKS năm 2026 |                                   | Ghi chú                                    |
|----|--------------------------|-------------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|
|    |                          |                   | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)              | Trữ lượng (1.000 m <sup>3</sup> ) |                                            |
| 1  | Đá xây dựng Thác Mơ      | Phường Phước Bình | 41-Đxd              | 5,0            | 720                                | 4,27                        | 313,31                            | Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 06/4/2021   |
| 2  | Đá xây dựng Lộc An       | Xã Tân Tiến       | 12-Đxd              | 111,0          | 66.600                             | 10,0                        | 725,23                            | Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 |
| 3  | Bazan xây dựng Vườn Bưởi | Xã Lộc Tấn        | 18-Đxd              | 35,0           | 21.000                             | 25,72                       | 763,6                             | Quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 |
| 4  | Mỏ đá Gia Canh           | Xã Định Quán      | ĐQ. Đ1-2            | 51,00          | 10.450                             | 46,61                       | 15.299                            | Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 |

| TT               | Tên khu vực mỏ | Vị trí          | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đầu giá quyền KTKS năm 2026 |                                   | Ghi chú                                    |
|------------------|----------------|-----------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|
|                  |                |                 | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)              | Trữ lượng (1.000 m <sup>3</sup> ) |                                            |
| 5                | Núi Nứa 3      | Phường Xuân Lập | LK. Đ2-2            | 21,0           | 10.600                             | 21,0                        | 8.182                             | Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                |                 |                     | <b>202,00</b>  | <b>98.770</b>                      | <b>107,60</b>               | <b>25.283,14</b>                  |                                            |

*c) Các mỏ chưa có kết quả thăm dò: 06 Mỏ, Cụ thể:*

| TT               | Tên khu vực mỏ                  | Vị trí            | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đầu giá quyền KTKS năm 2026 |                                            |
|------------------|---------------------------------|-------------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|
|                  |                                 |                   | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)              | Tài nguyên dự kiến (1.000 m <sup>3</sup> ) |
| 1                | Đá xây dựng Tân Hưng và Tân Lợi | Xã Tân Lợi        | 116-Đxd             | 66             | 6.600                              | 37,56                       | 3.756                                      |
| 2                | Đá xây dựng Tiến Hưng           | Phường Bình Phước | 101-Đxd             | 277            | 166.200                            | 16,57                       | 9.942                                      |
| 3                | Bazan xây dựng Tân Hưng 1       | Xã Tân Lợi        | 110-Đxd             | 15             | 1.500                              | 15                          | 1.500                                      |
| 4                | Thiên Tân - Tân An              | Phường Trảng Dài  | VC.Đ2-3             | 59,7           | 8.560                              | 19,26                       | 2.761                                      |
| 5                | Đá xây dựng Thuận Lợi           | Xã Thuận Lợi      | 102-Đxd             | 53             | 5.300                              | 53                          | 5.300                                      |
| 6                | Bazan xây dựng Thuận Phú        | Xã Thuận Lợi      | 105-Dxd             | 10             | 1.150                              | 5                           | 575                                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                 |                   |                     | <b>481</b>     | <b>189.310</b>                     | <b>146,39</b>               | <b>23.834</b>                              |

**3.2. Cát xây dựng:** 01 mỏ, cụ thể:

| TT               | Tên khu vực mỏ    | Vị trí       | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đề nghị đầu giá quyền KTKS năm 2026 |                                            | Ghi chú                                                           |
|------------------|-------------------|--------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                  |                   |              | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)                      | Tài nguyên dự kiến (1.000 m <sup>3</sup> ) |                                                                   |
| 1                | Cát sông Đồng Nai | Xã Phước Sơn | 70-cxd              | 188,4          | 1.884                              | 112,0                               | 1.120                                      | Chiều dài 19,0 km đã thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                   |              |                     |                |                                    | <b>112,0</b>                        | <b>1.212</b>                               |                                                                   |

### 3.3. *Vật liệu san lấp*: Gồm 02 mỏ, cụ thể:

| TT               | Tên khu vực mỏ        | Vị trí           | Thông tin quy hoạch |                |                                    | Đấu giá quyền KTKS năm 2026 |                                            | Ghi chú |
|------------------|-----------------------|------------------|---------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|---------|
|                  |                       |                  | Số hiệu             | Diện tích (ha) | Tài nguyên (1.000 m <sup>3</sup> ) | Diện tích (ha)              | Tài nguyên dự kiến (1.000 m <sup>3</sup> ) |         |
| 1                | Đất san lấp Tân Thành | Phường Đồng Xoài | 93-Dsl              | 19             | 1.520                              | 19                          | 1.520                                      |         |
| 2                | Đất san lấp Minh Lập  | Xã Nha Bích      | 86-Dsl              | 45             | 4.500                              | 25,6                        | 2.560                                      |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                       |                  |                     | <b>64</b>      | <b>6.020</b>                       | <b>44,6</b>                 | <b>4.080,0</b>                             |         |

## IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN.

### 1. Đối với khu vực đã có quyết định phê duyệt trữ lượng hoặc đánh giá sơ bộ trữ lượng.

- Lập Kế hoạch đấu giá chi tiết cho từng mỏ, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
- Lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá, niêm yết công khai tài sản đấu giá.
- Tổ chức đấu giá, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá theo quy định hiện hành.

### 2. Đối với khu vực chưa có trữ lượng.

- Thuê đơn vị tư vấn đánh giá, xác định trữ lượng sơ bộ (cấp 333);
- Lập Kế hoạch đấu giá chi tiết cho từng mỏ, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
- Lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá, niêm yết công khai tài sản đấu giá.
- Tổ chức đấu giá, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá theo quy định hiện hành.

### 3. Giải phóng mặt bằng khu vực mỏ đấu giá:

Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản có tài sản gắn liền với đất. Diện tích đất đã giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Sau khi tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản có thể lựa chọn một trong các trường hợp sau:

(1) Theo quy định tại khoản 25 Điều 79, khoản 1 Điều 120 và điểm k khoản 2 Điều 124 Luật Đất đai năm 2024, Nhà nước thu hồi đất đối với hoạt động khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất sử dụng vào mục đích hoạt động khoáng sản đối với trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

(2) Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 127 Luật Đất đai năm 2024, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản và được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn phương án thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất, không đề xuất thu hồi đất.

**4. Địa điểm tổ chức đấu giá:** Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật đấu giá 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024. Cụ thể:

*“Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thỏa thuận lựa chọn địa điểm để tổ chức phiên đấu giá như sau: Địa điểm trong phạm vi tỉnh Đồng Nai”*

**5. Thời gian tổ chức đấu giá:** Năm 2026

**6. Dự toán và kinh phí thực hiện:**

- Dự toán dự kiến khoảng 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).

*Dự toán chi tiết sẽ được Sở Nông nghiệp và Môi trường lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.*

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn đánh giá, xác định trữ lượng sơ bộ (cấp 333); đơn vị tổ chức đấu giá.

- Xây dựng Kế hoạch đấu giá cho từng mỏ, lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Chuẩn bị hồ sơ cụ thể cho khu vực mỏ đấu giá bao gồm: thông tin cơ bản về điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản, xác định vị trí, diện tích khu vực đưa ra đấu giá.

- Lập dự toán kinh phí lập hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản và dự toán giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá và chi phí khác phục vụ cho phiên đấu giá trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Thông báo công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; các thông tin về cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản và triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định.

**2. Sở Tài chính:** Có trách nhiệm bổ sung nguồn kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch đấu giá sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; theo chức năng nhiệm vụ góp ý kiến Kế hoạch đấu giá cụ thể từng mỏ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác

khoáng sản tại các khu vực được duyệt theo Kế hoạch.

**3.** Các Sở: Tư pháp, Công Thương, Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã/phường nơi có mỏ khoáng sản tổ chức đấu giá và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ góp ý kiến Kế hoạch đấu giá cụ thể từng mỏ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực được duyệt theo Kế hoạch.

**4.** Ủy ban nhân dân xã/phường nơi có khoáng sản tổ chức đấu giá chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng tích hợp phương án đấu nối hạ tầng giao thông tại các khu vực đề nghị đấu giá vào trong Quy hoạch chung của xã.

**5.** Sở Nông nghiệp và Môi trường, Báo và Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai có trách nhiệm đăng tải công khai Kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường cho đến khi thực hiện xong Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai, nếu có những vấn đề vướng mắc, các Sở ngành, Ủy ban nhân dân xã/phường nơi có khoáng sản tổ chức đấu giá kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.